

Thứ ba, ngày 27 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Biến động phiên đóng cửa

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/8/2019		•	
Tuần 26/8-30/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Giao dịch thị trường trong phiên sáng diễn ra khá tích cực trước tín hiệu hạ nhiệt của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Tuy vậy, áp lực bán trong phiên chiều đến từ các Bluechips như BVH, FPT, HPG, MSN đã ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường, kéo chỉ số VN-Index xuống còn 976.79 điểm. Hoạt động cơ cấu của iShare MSCI Frontier 100 ETF được cho là nguyên nhân chính của diễn biến kém tích cực của một số Bluechips trong phiên ATC. Bên cạnh đó, thanh khoản giảm nhẹ và khối ngoại tiếp tục bán ròng cũng là điểm trừ trong phiên hôm nay. **Trên thị trường vẫn chưa xuất hiện tín hiệu nào chắc chắn về chiến tranh thương mại, vì vậy nhà đầu tư nên duy trì chiến lược giao dịch thận trọng trong thời gian tới.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều đồng loạt giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/08/2019, phần lớn các chứng quyền đều giảm giá. FPT đang tích lũy tại ngưỡng giá 53 sau khi lập đỉnh lịch sử tại ngưỡng 55. Thanh khoản đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng điều chỉnh giá trong ngắn hạn. Tuy nhiên, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng nhóm chứng quyền của cổ phiếu này sẽ có áp lực giảm giá trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Nước & Năng lượng_0.4%. Thị trường tiếp tục có phiên điều chỉnh khi **VNINDEX** giảm **-0.6%**. Các danh mục Chủ đề cho thấy hiệu suất tích cực so với thị trường, với 9/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất ngày **cao hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục Nước & Năng lượng hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**

Phân tích kỹ thuật: QNS_Tín hiệu hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-6.09 điểm**, đóng cửa 976.79. HNX-Index **+0.05 điểm**, đóng cửa 102.86.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+0.69); GAS (+0.22); VPB (+0.22); TCB (+0.20); POW (+0.17).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.24); VCB (-1.40); VNM (-0.76); SAB (-0.62); HVN (-0.58).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index 3,308.8 tỷ đồng, -0.3% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.7 điểm. Thị trường có 136 mã tăng và 170 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **77.64 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (49.17 tỷ), VCB (31.58 tỷ) và HPG (22.52 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **9.84 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX

976.79

Giá trị: 3308.84 tỷ

-6.09 (-0.62%)

Khối ngoại (ròng): -75.86 tỷ

HNX-INDEX

102.86

Giá trị: 319.79 tỷ

0.05 (0.05%)

Khối ngoại (ròng): -9.84 tỷ

UPCOM-INDEX

58.01

Giá trị: 400.79 tỷ

0.48 (0.83%)

Khối ngoại(ròng): 19.16 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.0	0.67%
Giá vàng	1,531	0.27%
Tỷ giá USD/VND	23,199	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,753	-0.32%
Tỷ giá JPY/VND	21,934	0.31%
LS liên NH 1 tháng	4.2%	24.74%
LS TPCP 5 năm	3.4%	1.49%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	23.9	HPG	82.9
VIC	15.8	GAS	33.3
KBC	6.1	VJC	21.5
SAB	4.2	SSI	14.0
VHM	5.8	VNM	13.5

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

i-INVEST

Trang 2

Tín hiệu cổ phiếu

Trang 3

Tín hiệu hàng hóa

Trang 4

Thị trường phái sinh

Trang 5

Cổ phiếu lớn

Trang 6

Thống kê thị trường

Trang 7

Báo cáo mới nhất

Trang 8

iBroker

Trang 9

Khuyến cáo sử dụng

Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

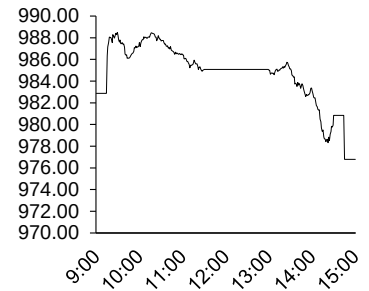
Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

Thị trường tiếp tục có phiên điều chỉnh khi **VNINDEX** giảm **-0.6%**. Các danh mục Chủ đề cho thấy hiệu suất tích cực so với thị trường, với **9/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất ngày **cao hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**

BSC RESEARCH
8/27/2019
Vietnam Daily Review

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_0.4%

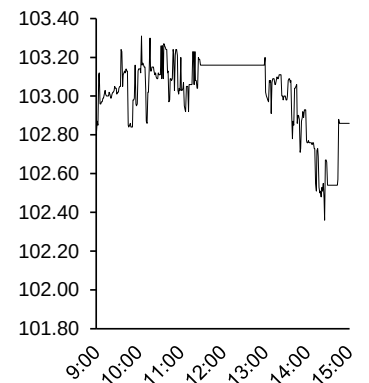
Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Nước & Năng lượng	0.4%	-1.2%	-2.4%	-3.5%	1.1%	11.8%	60.0%
Xây dựng	0.2%	-1.8%	-2.9%	-5.9%	-8.9%	-15.5%	25.6%
Ngân hàng	0.1%	1.0%	1.9%	7.9%	6.3%	-3.1%	70.6%
Dầu khí	0.0%	-0.5%	-3.9%	-6.1%	6.2%	2.6%	11.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.1%	-2.3%	-1.9%	-2.3%	5.9%	17.6%	54.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.1%	-1.7%	3.2%	7.4%	6.6%	2.0%	73.7%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-1.5%	-1.3%	-3.7%	-0.3%	9.9%	11.2%
BDS & Khu công nghiệp	-0.2%	-1.7%	0.9%	2.2%	4.8%	6.3%	58.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.6%	-0.5%	2.2%	4.4%	2.9%	1.2%	72.7%
Vật liệu Xây dựng	-1.0%	-2.0%	-1.6%	-1.1%	1.3%	5.2%	9.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.1%	-1.4%	-2.8%	-1.9%	-2.2%	-0.3%	86.4%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.1%	-2.6%	-3.7%	-5.1%	-4.4%	-8.8%	-4.6%
Hàng tiêu dùng	-1.6%	-1.8%	2.5%	4.6%	5.6%	7.1%	65.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.7%	-5.1%	-6.5%	-6.7%	-8.7%	-10.9%	43.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 10	0.0%	0.8%	2.0%	5.9%	7.3%	3.1%	53.6%
Danh mục 18	-0.3%	0.5%	0.4%	-1.7%	2.9%	11.2%	106.0%
Danh mục 12	-0.4%	-0.1%	0.0%	-2.0%	2.2%	10.5%	114.0%
Danh mục 13	-1.1%	-1.9%	-1.4%	-1.2%	-2.6%	0.1%	23.5%
Danh mục 1	-1.2%	-2.5%	2.2%	4.3%	3.7%	1.3%	68.8%
* Note	Hôm nay có 15/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 25	-0.7%	-1.2%	1.4%	8.0%	13.4%	36.0%	201.3%
Danh mục 22	-0.8%	-1.2%	2.8%	7.9%	8.3%	-0.8%	61.7%
Danh mục 20	-0.8%	-0.8%	-1.5%	-0.6%	-0.5%	7.6%	14.9%
Danh mục 19	-1.1%	-2.0%	1.5%	4.1%	7.0%	6.4%	49.5%
Danh mục 23	-1.2%	-1.9%	0.6%	-0.8%	1.1%	10.1%	130.7%
* Note	Hôm nay có 7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.6%	-0.8%	-1.7%	0.5%	1.2%	-1.5%	46.3%
VN30INDEX	-0.6%	-0.8%	-0.1%	0.2%	-4.7%	-7.7%	35.1%

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-1.8%
Công nghệ Thông tin	-1.3%
Du lịch và Giải trí	-1.2%
Ô tô và phụ tùng	-1.1%
Tài nguyên Cơ bản	-1.1%
Dịch vụ tài chính	-1.1%
Thực phẩm và đồ uống	-1.1%
Bảo hiểm	-1.0%
Bất động sản	-0.7%
Ngân hàng	-0.5%
Truyền thông	-0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%
Y tế	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.3%
Hóa chất	0.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%
Dầu khí	0.7%

Nguồn: FiinPro

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Phân tích kỹ thuật

QNS_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ âm, MACD đang nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: Cổ phiếu QNS đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi chạm vùng hỗ trợ ngắn hạn 29-30. Thanh khoản cổ phiếu vượt xa ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng của bước giá trong hai phiên hồi phục từ vùng đáy. Hiện tượng này cho thấy động lực tăng khá mạnh. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng tăng mạnh trong khi chỉ báo RSI báo khởi đầu của xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lại dải mây ichomoku, báo hiệu tín hiệu khởi đầu xu hướng hồi phục trong trung hạn. Như vậy, QNS sẽ tăng trở lại vùng giá 34-35 trong các phiên tới.



Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 27/08/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 27/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.77	-0.55%	-4.35%	-4.13%	-21.93%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.89	-0.78%	-1.42%	-6.79%	-22.72%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.63	-1.17%	-2.26%	-12.70%	-22.15%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1526.89	0.04%	2.17%	7.06%	26.13%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.62	1.42%	4.55%	7.12%	18.66%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	854.19	1.16%	0.02%	-3.56%	2.33%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	471.46	-0.89%	1.28%	-6.36%	-5.57%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.60	0.06%	-0.11%	0.74%	17.10%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	154.80	-0.77%	-10.26%	-32.05%	-4.86%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.43	-0.35%	-0.35%	-5.30%	8.75%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.18	15.64%	15.64%	26.19%	-2.75%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	94.15	1.67%	3.29%	-6.92%	-7.56%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.54	0.38%	-2.18%	-6.24%	-6.08%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3720.00	-1.54%	-1.48%	-7.81%	-16.65%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1770.00	0.23%	-1.23%	-3.07%	-17.04%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	87.00	0.00%	-5.43%	-26.89%	29.85%	HLC, NBC	HT1, BCC
Than đá	USD/ton	66.90	-0.59%	-2.55%	-10.80%	-38.06%	HSG, HPG	HSG, HPG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 26/08 giảm 0.64 USD hay 1.1% xuống 58.70 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 giảm 0.53 USD hay 1% xuống 53.64 USD/thùng.
- Giá dầu giảm 1% trong phiên vừa qua bởi thị trường lạc quan triển vọng nguồn cung từ Iran sẽ tăng lên sau thông tin từ Tổng thống Pháp mang lại hy vọng Washington và Tehran có thể sẽ đạt được thỏa thuận về hạt nhân. Bên cạnh thông tin này, kỳ vọng Mỹ và Trung Quốc sẽ đạt được thỏa thuận thương mại đã kiềm chế giá giảm sâu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.3% lên 1,529.9 USD/ounce. Vàng kỳ hạn ít biến động, với hợp đồng kỳ hạn tháng 9/2019 ở mức 1,530.9 USD/ounce, trong khi tháng 10/2019 giá 1,537.2 USD/ounce.
- Giá vàng đã tăng lên mức cao kỷ lục trong vòng 6 năm, vượt 1,550 USD/ounce vào đầu phiên giao dịch vừa qua, do các nhà đầu tư tìm tới những tài sản an toàn như vàng giữa bối cảnh có nhiều sự bất trắc, nhất là căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc và tăng trưởng kinh tế toàn cầu trở nên "mong manh".

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm 1.7% xuống 593.5 CNY (84.81 USD)/tấn, giữa bối cảnh lưu trữ tại các cảng biển Trung Quốc tăng cao.
- Trên sàn Thượng Hải, thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 1.9% xuống 3,372 CNY (475.41 USD)/tấn, thấp nhất kể từ 20/2/2019. Thép cuộn cán nóng cũng giảm 1.7% xuống 3,660 CNY/tấn.
- Giá sắt thép trên thị trường Trung Quốc giảm trong phiên vừa qua, trong đó thép cây thấp nhất trong vòng hơn 6 tháng. Thị trường tài chính toàn cầu ảm đạm do lo ngại căng thẳng thương mại Mỹ - Trung leo thang đang tác động tiêu cực lên thị trường này. Xung đột căng thẳng có thể khiến nhu cầu ở Trung Quốc sụt giảm.

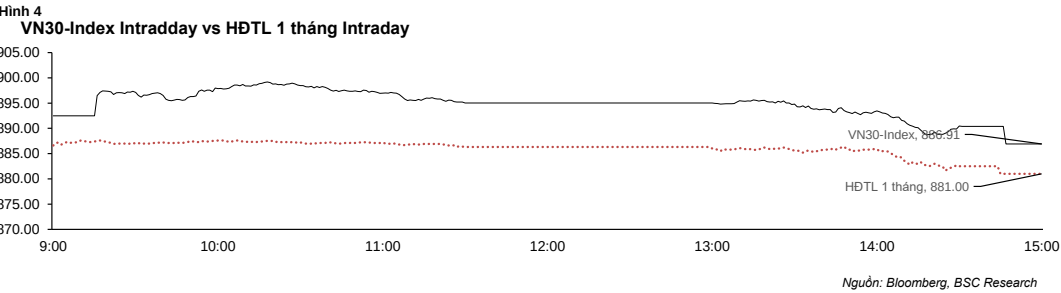
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 12/2019 chốt phiên tăng 1.45 US cent hay 1.5% lên 97.50 US cent. Cà phê arabica tăng lên mức cao nhất trong vòng hơn 1 tuần bởi dự báo sản lượng ở Brazil và Trung Mỹ sẽ giảm, mặc dù đồng real Brazil yếu đi cản trở đà tăng

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 26/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 3.6 JPY, tương đương 2.2% xuống 162.2 JPY (1.54 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 không đổi tại 11,435 CNY (1,616 USD)/tấn. Giá cao su trên sàn Tokyo chạm mức thấp nhất 9 tháng do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung nóng lên, làm gia tăng lo ngại về kinh tế toàn cầu. Đồng yen trượt giá và thị trường chứng khoán Tokyo giảm điểm càng khích lệ hoạt động bán cao su, nhất là lúc đầu phiên giao dịch.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	881.00	-0.51%	-5.91	-20.9%	60271	9/19/2019	25
VN30F1910	878.90	-0.37%	-8.01	-10.9%	383	10/17/2019	53
VN30F1912	878.30	-0.32%	-8.61	-62.6%	37	12/19/2019	116
VN30F2003	878.00	-0.45%	-8.91	-57.4%	23	3/19/2020	207

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 5.57 điểm xuống mức 886.91 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VNM, MWG, HPG và FPT tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 tăng nhẹ từ đầu phiên nhưng đã quay đầu giảm điểm từ giữa phiên sáng cho đến cuối phiên chiều. Thanh khoản tiếp tục duy trì ổn định và chưa xác nhận xu hướng rõ ràng.

- Các HDTL đều đồng loạt giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1909 đang có xu hướng giảm, trong khi các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	Kl giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CHPG1905	SSI	12/30/2019	125	1:1	12,570	-18.7%	1,000,000	29.96%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	125	1:1	28,080	14.5%	1,000,000	20.87%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	34	1:1	51,320	189.8%	1,000,000	29.96%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	34	1:1	41,410	-13.4%	1,000,000	18.93%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	112	1:1	199,820	-63.7%	1,000,000	21.30%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	125	5:1	158,610	3.1%	2,000,000	20.87%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	108	10:1	126,900	-49.5%	5,000,000	22.20%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	13	4:1	90,450	252.5%	1,000,000	20.87%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	32	1:1	636,130	226.8%	3,000,000	21.30%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	125	1:1	7,680	9.4%	2,000,000	18.93%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	14	2:1	102,470	63.1%	2,000,000	29.96%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	16	2:1	133,360	39.1%	1,500,000	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	14	5:1	47,700	138.1%	1,000,000	22.75%
CMWG1902	VND	12/11/2019	106	4:1	280	-97.3%	2,400,000	20.87%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	106	5:1	97,150	-20.3%	3,000,000	29.96%
CFPT1901	VND	9/11/2019	15	2:1	57,810	-62.2%	2,000,000	18.93%

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/08/2019, phần lớn các chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều đồng loạt giảm giá, riêng MBB đứng giá.

- CHPG1901 và CMWG1901 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 11.96 % và 9.42 %. Thanh khoản thị trường tăng 9.04%, CMBB1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 11% thị trường.

- Ngoại trừ CMBB1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. FPT đang tích lũy tại ngưỡng giá 53 sau khi lập đỉnh lịch sử tại ngưỡng 55. Thanh khoản đang có xu hướng giảm bảo hiệu khả năng điều chỉnh giá trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng nhóm chứng quyền của cổ phiếu này sẽ có áp lực giảm giá trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	20.40	1.49	0.72
TCB	21.45	0.94	0.63
EIB	17.15	1.78	0.44
VHM	86.60	0.81	0.34
VJC	132.60	0.45	0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	122.5	-1.84	-1.35
VNM	119.0	-1.24	-1.06
MWG	114.0	-2.06	-0.96
HPG	22.4	-1.75	-0.92
FPT	52.8	-1.68	-0.68

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
3,200	3,660	2.23%	2,176
3,300	3,900	1.30%	1,410
1,900	4,780	1.06%	3,944
1,000	510	0.00%	0
1,500	670	0.00%	134
1,900	2,730	-0.36%	2,755
1,200	730	-1.35%	4
2,700	5,700	-1.72%	4,134
6,000	13,000	-2.99%	7,753
14,000	33,400	-4.57%	25,508
3,800	8,800	-6.38%	7,010
2,990	8,420	-6.44%	6,316
1,700	2,300	-8.00%	944
2,200	1,770	-9.23%	559
2,000	6,540	-9.42%	6,462
1,200	810	-11.96%	165

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1905	93,300	23,100	22,400
CMWG1904	165,000	90,000	114,000
CHPG1904	98,800	23,100	22,400
CFPT1902	96,981	45,140	52,800
CMBB1902	26,300	21,800	23,300
CMWG1903	25,800	95,000	114,000
CVNM1901	46,340	158,888	119,000
CMWG1901	96,300	88,300	114,000
CMBB1901	23,700	20,600	23,300
CFPT1903	56,154	45,140	52,800
CHPG1901	47,999	22,900	22,400
CHPG1903	22,100	23,200	22,400
CPNJ1901	26,300	77,981	83,200
CMWG1902	48,130	90,000	114,000
CHPG1902	168,888	41,999	22,400
CFPT1901	27,000	44,154	52,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.0	-2.1%	0.7	2,194	9.4	7,893	14.4	4.8	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.2	-0.7%	1.0	805	2.2	4,727	17.6	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	77.0	-1.0%	1.3	2,346	0.4	1,503	51.2	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	36.1	-2.7%	0.7	363	1.1	3,061	11.8	1.2	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.5	-1.8%	1.1	17,821	2.1	1,673	73.2	5.0	15.3%	8.2%
VRE	Bất động sản	34.5	-1.1%	1.1	3,493	1.9	1,033	33.4	2.8	32.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.7	-2.1%	0.8	2,456	2.3	3,579	17.0	2.8	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	36.5	0.6%	1.0	492	1.1	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	14.9	3.8%	1.4	337	2.0	2,944	5.0	1.2	46.6%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.4	-0.9%	1.3	474	1.2	1,997	10.7	1.2	58.1%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.7	-2.5%	1.0	234	0.1	5,067	6.5	1.5	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.5	-1.7%	1.4	272	0.8	1,434	14.3	1.5	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	52.8	-1.7%	0.8	1,557	3.6	4,349	12.1	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.5	0.4%	0.4	492	0.0	3,778	12.0	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.9	0.4%	1.5	8,480	0.7	6,066	16.8	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.2	0.7%	1.5	3,169	1.5	3,271	18.7	3.6	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.5	-0.5%	1.7	426	2.5	2,351	8.7	0.8	23.9%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.2	-1.1%	0.8	1,240	0.5	1,163	7.9	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.3	0.1%	0.5	530	0.0	4,602	20.3	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.5	-1.1%	0.7	229	0.3	853	15.8	0.7	19.6%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.1	0.1%	0.7	185	0.1	894	9.0	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	76.5	-1.7%	1.3	12,336	3.8	4,729	16.2	3.7	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	37.5	-0.9%	1.5	5,574	1.9	2,107	17.8	2.4	3.3%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.3	0.0%	1.6	3,286	1.7	1,470	13.8	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.4	1.5%	1.2	2,179	2.8	2,989	6.8	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.3	0.0%	1.1	2,141	11.7	3,215	7.2	1.5	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.5	0.0%	1.1	1,586	1.0	3,438	6.5	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	49.2	-2.4%	0.9	175	0.3	5,017	9.8	1.7	76.9%	17.1%
NTP	Nhựa	38.3	-0.3%	0.3	149	0.0	4,490	8.5	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.2	-1.8%	1.2	633	0.0	732	22.1	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.4	-1.8%	1.0	2,689	8.8	2,898	7.7	1.4	37.9%	19.9%
HSG	Thép	6.9	0.3%	1.5	126	0.5	425	16.1	0.5	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	119.0	-1.2%	0.7	9,010	4.9	5,465	21.8	7.3	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	270.1	-1.2%	0.8	7,531	0.7	6,735	40.1	9.9	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.0	-1.3%	1.2	3,812	1.2	3,304	22.7	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	15.9	-0.6%	0.5	363	1.3	542	29.3	1.4	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	81.8	0.0%	0.8	7,743	0.3	2,630	31.1	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.6	0.5%	1.1	3,123	2.8	9,850	13.5	5.1	18.9%	43.3%
HVN	Vận tải	36.1	-3.9%	1.7	2,223	1.9	1,747	20.6	2.8	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	27.9	-1.4%	0.8	360	0.9	1,888	14.8	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.9	1.1%	0.6	219	0.7	2,505	7.1	1.2	30.7%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.7	3.7%	0.9	618	2.1	7,667	11.8	4.6	2.3%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.6	1.1%	0.9	363	0.5	1,333	14.0	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	-1.3%	0.8	251	0.1	1,657	9.1	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	97.0	0.0%	0.7	322	0.1	13,465	7.2	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.6	1,307	20.2	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.1	-1.2%	0.5	216	0.2	485	41.4	1.0	52.2%	2.4%
POW	Điện	13.2	1.9%	0.6	1,339	0.8	820	16.0	1.3	14.7%	7.8%
NT2	Điện	25.0	0.2%	0.6	312	0.1	2,241	11.1	1.8	22.0%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	86.60	0.81	0.69	871250.00
GAS	101.90	0.39	0.23	150750.00
VPB	20.40	1.49	0.22	3.14MLN
TCB	21.45	0.94	0.21	1.81MLN
POW	13.15	1.94	0.17	1.38MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	90.70	3.66	0.11	541500.00
VCR	24.70	9.78	0.02	849800.00
IDJ	6.30	8.62	0.02	557800.00
DGC	28.20	0.71	0.02	72800.00
NET	31.00	6.16	0.02	7400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	122.50	-1.84	-2.27	397260.00
VCB	76.50	-1.67	-1.43	1.12MLN
VNM	119.00	-1.24	-0.77	943130.00
SAB	270.10	-1.21	-0.63	58130.00
HVN	36.05	-3.87	-0.61	1.17MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVI	36.10	-2.70	-0.04	666400.00
CEO	10.00	-1.96	-0.03	376200.00
PVS	20.50	-0.49	-0.03	2.75MLN
MBG	10.40	-9.57	-0.02	53300.00
DHT	39.00	-3.23	-0.02	1800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLP	9.95	6.99	0.01	135850.00
PIT	4.92	6.96	0.00	730.00
KDC	20.00	6.95	0.10	638600.00
AGF	3.85	6.94	0.00	6080.00
HRC	44.80	6.92	0.03	930.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	20.0	0.01	990500.00
DST	1.00	11.1	0.00	195200.00
MPT	2.20	10.0	0.00	164000.00
SD5	6.60	10.0	0.01	500.00
TMX	14.30	10.0	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	8.53	-6.98	0.00	10.00
TNT	2.00	-6.98	0.00	50350.00
DTA	5.77	-6.94	0.00	6760.00
SPM	11.55	-6.85	0.00	100.00
CIG	2.45	-6.84	0.00	2860.00

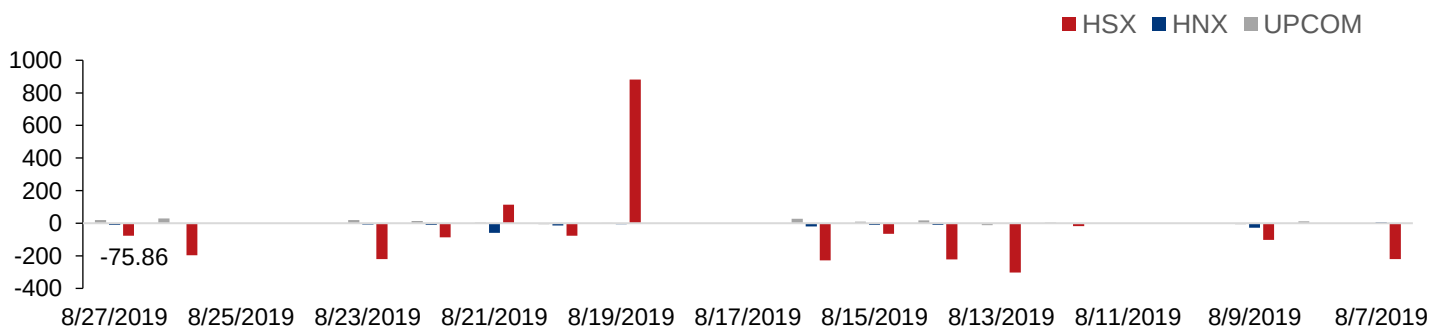
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDL	21.90	-9.88	-0.01	100.00
KTS	14.70	-9.82	-0.01	200.00
DPC	26.80	-9.76	0.00	100.00
VGP	20.70	-9.61	-0.02	100.00
HAT	32.10	-9.58	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	29.0	3,705	7.8	2.1	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	52.8	4,349	12.1	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	15.9	649	24.5	1.4	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	114.0	7,893	14.4	4.8	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	83.2	4,727	17.6	4.5	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	55.6	5,276	10.5	3.0	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.9	4,234	7.1	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.5	3,438	6.5	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.9	3,181	5.6	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.9	425	16.1	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	45.6	4,314	10.6	3.1	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	75.0	3,304	22.7	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	158.4	7,716	20.5	10.6	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.9	1,888	14.8	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	114.0	7,893	14.4	4.8	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.0	3,760	8.0	1.5	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.8	1,433	5.4	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	80.4	18,865	4.3	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.7	1,295	16.8	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.6	3,437	5.4	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

